

Bản án số: 16/2021/HNGĐ- ST

Ngày 11/5/2021

“V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hải Lý  
2. Bà Nguyễn Thị Tin

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:***  
Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1992; nơi ĐKKH: Thôn Y, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 11/9/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay và ở cùng nhà anh S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 01 con chung. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân do anh S có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác

bị chị và gia đình bắt được. Sau đó chị đã bỏ về nhà để sống, gia đình hai bên đã dàn xếp và anh S viết bản cam kết hứa sẽ không tái phạm nữa. Chị đồng ý và đã quay về nhà anh S chung sống, tuy nhiên sau đó anh S vẫn không thay đổi, không quan tâm đến chị và con cái từ vấn đề tình cảm đến kinh tế. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không thay đổi. Đến tháng 3/2021 chị đã bỏ về nhà để ở, sau khi chị bỏ về nhà để ở thì anh S có gọi chị về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý, gia đình hai bên có nói chuyện và dàn xếp cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/12/2018. Hiện nay cháu M đang ở với anh S. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo lời khai có tại hồ sơ, bị đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày:*

Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 11/9/2013. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc và đã có 01 con chung.

Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng tháng 02 năm 2020, nguyên nhân do chị H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác sau đó về chán chồng, chán con, còn đi chơi qua đêm. Khi chị H có biểu hiện như vậy anh đã gọi bố mẹ chị H để nói chuyện nhưng bố mẹ chị H không xuống. Bản thân anh cũng khuyên bảo chị H nhưng chị H không thay đổi, bố mẹ anh đã khuyên bảo chị H rất nhiều nhưng chị H không thay đổi. Do chị H như vậy, anh khuyên bảo nhiều không nghe nên anh có bực mình và có mắng nhưng anh không chửi bới và không đánh đập.

Đến khoảng tháng 02 năm 2021, chị H xin phép đưa con về ông bà ngoại và ở luôn trên đó không quay lại nhà anh nữa. Sau đó anh lên nhà bố mẹ chị H để đón con về. Từ khi chị H bỏ về nhà để ở anh và gia đình đã lên khuyên bảo và đón chị H về đoàn tụ nhiều lần nhưng chị H không đồng ý. Nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H xin ly hôn anh đồng ý với điều kiện anh phải được nuôi con chung.

- Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/12/2018. Hiện nay cháu M đang ở với anh. Nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Huỳnh Thị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn S và đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/12/2018. Anh Nguyễn Văn S không đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị H và đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/12/2018.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên Tòa, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/12/2018.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Huỳnh Thị H và bị đơn là anh Nguyễn Văn S đều có mặt tại phiên tòa; căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn S có địa chỉ cư trú tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Huỳnh Thị H có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn S nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị H và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng vào ngày 11/9/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo phía chị H là do anh S có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bị chị và gia đình bắt được. Sau đó chị đã bỏ về nhà để sống, gia đình hai bên đã dàn xếp và anh S viết bản cam kết hứa sẽ không tái phạm nữa. Chị đồng ý và đã quay về nhà anh S chung sống, tuy nhiên sau đó anh S vẫn không thay đổi, không quan tâm đến chị và con cái từ vấn đề tình cảm đến kinh tế. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không thay đổi.

Theo anh S thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác sau đó về chán chồng, chán con, còn đi chơi qua đêm. Khi chị H có biểu hiện như vậy anh đã gọi bố mẹ chị H để nói chuyện nhưng bố mẹ chị H không xuống. Bản thân anh cũng khuyên bảo chị H nhưng chị H không thay đổi, bố mẹ anh đã khuyên bảo chị H rất nhiều nhưng chị H không thay đổi. Do chị H như vậy, anh khuyên bảo nhiều không nghe nên anh có bực mình và có mắng nhưng anh không chửi bới và không đánh đập. Bản thân anh và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng chị H không thay đổi.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị được ly hôn anh S, anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên nếu chị H nhất quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, ông Trần Văn L – trưởng thôn Y cho biết: Chị H và anh S kết hôn năm 2013, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn từ khi nào ông không rõ, nguyên nhân mâu thuẫn là do đâu ông cũng không rõ, không thấy anh S và chị H báo chính quyền địa phương để hòa giải. Nay chị H xin ly hôn anh S, ông đề nghị Tòa án hòa giải về đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Ngô Thị C là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn S, bà Ngô Thị C cho biết: Quá trình chung sống bà không thấy chị H và anh S xảy ra mâu thuẫn, cũng không thấy đánh nhau bao giờ. Đến tháng 3/2021, chị H có xin phép cho con về bố mẹ đẻ chơi và ở luôn trên đó, không về nhà bà nữa. Gia

đình bà có lên để dàn xếp cho hai con về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý quay về.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị H được ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị H và anh S có một con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/12/2018. Hiện nay con M đang ở với anh S. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị H và anh S đều đề nghị được tiếp tục nuôi con chung.

Xét thấy: Đề nghị của chị H và anh S là phù hợp đạo đức, phù hợp pháp luật. Chị H hiện đang làm tại Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Goertek Vina, lương tháng trung bình từ 19.000.000 đồng đến 21.000.000 đồng. Anh S hiện đang làm công việc tự do nên không chứng minh được thu nhập hàng tháng, theo anh S thì anh thu nhập hàng tháng khoảng 30.000.000 đồng.

Tuy nhiên, hiện nay con chung Nguyễn Duy M chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy, cần giao con chung Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/12/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2, khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn anh S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H và anh S không yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/12/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0000112 ngày 31/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Y, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Oanh**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hải Lý – Nguyễn Thị Tin**

**Nguyễn Ngọc Oanh**